SAO Y; VĂN PHÒNG, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG; 23/11/2026; 8:49:27 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04 /2026/VBHN-QĐ-CTUBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng

Quyết định số 191/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 11 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Quyết định số .99.../2026/QĐ-CTUBND ngày 20 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 191/2025/QĐ-CTUBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 271/TTr-STC ngày 10/10/2025[1];

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định về quản lý và phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của thành phố gồm: Giao, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Các nội dung liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công không quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a) Việc giao tài sản phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan Đoàn đại biểu Quốc hội.

b) Việc khai thác, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản do Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố quản lý, sử dụng.

c) Việc bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại không phải là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước.

---

[1] Quyết định số .99..../2026/QĐ-CTUBND có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 545/TTr-STC ngày 13 tháng 11 năm 2026"

d) Việc khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên.

đ) Việc bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản công; xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

e) Việc khai thác, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã) và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã).

g) Việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công; việc khai thác, xử lý tài sản công tại tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã), các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội không trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã).

h) Việc phá dỡ, hủy bỏ tài sản để thực hiện dự án đầu tư theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (tài sản phải phá dỡ, hủy bỏ thể hiện trên bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc thiết kế bản vẽ thi công hoặc trên hồ sơ dự án hoặc trên quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc trên quyết định phê duyệt dự án) hoặc để giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất.

i) Việc bán tài sản có giá trị nguyên giá dưới 250 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; thanh lý tài sản có giá trị nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập; việc bán, thanh lý tài sản có giá trị đánh giá lại dưới 50 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cấp tỉnh và cấp xã).

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công thực hiện quản lý, phân cấp

1. Trụ sở làm việc là đất, nhà làm việc và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam và Tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sau đây gọi tắt là trụ sở làm việc).

2. Cơ sở hoạt động sự nghiệp là đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi tắt là cơ sở hoạt động sự nghiệp).

3. Tài sản là xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng, xe mô tô, tàu thuyền, xuồng (sau đây gọi chung là phương tiện vận chuyển).

4. Tài sản là máy móc, thiết bị và các tài sản khác (sau đây gọi chung là tài sản khác).

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, phân cấp quản lý tài sản công

1. Việc quy định thẩm quyền, phân cấp thẩm quyền nhằm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm cho từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được quy định thẩm quyền, phân cấp thẩm quyền quyết định phải chịu trách nhiệm toàn bộ về quyết định của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Việc quy định thẩm quyền, phân cấp thẩm quyền phải phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của thành phố.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định giao tài sản công bằng hiện vật

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao tài sản đối với: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định giao đối với: Tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác do thành phố quản lý cho Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các Tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Phân cấp cho các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định giao đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao đối với tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản cho: các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các Tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Phân cấp cho các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản được giao quản lý thuộc danh mục tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển.

b) Tài sản phải thu hồi thuộc thẩm quyền thu hồi của cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhưng không thực hiện thu hồi theo thẩm quyền.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với: Tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố và các cơ quan, đơn vị trực thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thu hồi tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với tài sản: Trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; phương tiện vận chuyển trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định điều chuyển đối với: Tài sản khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, các đơn vị trực thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố trừ tài sản quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

3. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

5. Đối với xe ô tô phục vụ công tác chung:

Phân cấp cho các cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc điều chuyển xe giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định bán: Tài sản là phương tiện vận chuyển tại cơ quan nhà nước; phương tiện vận chuyển có giá trị nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[2] tại đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác có giá trị đánh giá lại trên 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[3] tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán: Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này; tài sản khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[4] trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bán: Tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[5].

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán: Tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[6].

---

[2] Cụm từ ", phương tiện vận chuyển có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản" được thay thế bởi cụm từ "hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày.... 10 tháng 12 ...năm 2026.

[3] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số...99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày. 10 ... tháng.. 12 ...năm 2026.

[4,5,6] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số.....99..... /2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày...10... tháng..12...năm 2026.

5. Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành thành phố quyết định bán: Tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[7].

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý đối với: Nhà làm việc tại cơ quan nhà nước; công trình sự nghiệp có giá trị nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[8] tại đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với: Phương tiện vận chuyển tại cơ quan nhà nước; phương tiện vận chuyển có giá trị nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[9] tại đơn vị sự nghiệp công lập; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị đánh giá lại trên 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[10] tại đơn vị sự nghiệp công lập.

---

[7] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Quyết định số.....99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày..10... tháng..12...năm 2026.

[8] Cụm từ ", công trình sự nghiệp có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản" được thay thế bởi cụm từ "hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 99 /2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày 10...tháng.12..năm.2026

[9] Cụm từ ", phương tiện vận chuyển có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản" được thay thế bởi cụm từ "hoặc có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số..99..2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày10 tháng.12năm 2026.

[10] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 1 Quyết định số .....99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày..10... tháng 12 năm 2026.

3. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 6 Điều này; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[11] trừ tài sản quy định tại khoản 6 Điều này.

4. Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thanh lý: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[12].

5. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[13].

6. Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành thành phố quyết định thanh lý: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản; tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có giá trị đánh giá lại đến 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán[14].

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ tài sản quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phân cấp cho đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành thành phố quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng thuộc đối tượng phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật.

[11, 12, 13] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 1 Quyết định số ...99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày..10... tháng..12..năm 2026.

[14] Cụm từ "trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán" được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 1 Quyết định số ....99...../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày..10....tháng..12...năm 2026.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý đối với: Nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính quyết định xử lý đối với tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử lý: Tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 5 Điều này.

4. Phân cấp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành thành phố quyết định xử lý tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt đối với:

a) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đối với: Nhà làm việc; công trình sự nghiệp; phương tiện vận chuyển.

b) Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết của các đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Phân cấp cho Sở Tài chính phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị nguyên giá trên 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Phân cấp cho cơ quan nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị nguyên giá đến 15.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trừ tài sản quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Phân cấp cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các Sở, ban, ngành thành phố phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có giá trị đến 1.000 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm tài sản phục vụ hoạt động của dự án và tài sản là kết quả của quá trình thực hiện dự án không xác định đối tượng thụ hưởng)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định chuyển giao tài sản về địa phương quản lý đối với diện tích đất Ban Quản lý dự án được giao hoặc tạm giao để phục vụ công tác thi công dự án (bao gồm cả công trình, tài sản gắn liền với đất đó).

2. Việc giao, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 5, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Quyết định này trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định 186/2025/NĐ-CP.

Điều 15. Hiệu lực thi hành[15]

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2025.

Điều 16. Tổ chức thực hiện[16]

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị khối thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 16;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Công báo thành phố; Cổng thông tin điện tử TP;
- Các Phòng, ban thuộc VP UBND TP;
- Lưu: VT, Tài chính, Đ.D.Hưng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2026

CHỦ TỊCH

Đỗ Thành Trung

[15,16] *Điều 2 của Quyết định số ..99..../2026/QĐ-CTUBND, có hiệu lực kể từ ngày ..10...tháng ....12.. năm 2026 và quy định như sau:*

"Điều 2. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ..10... tháng 12 ...năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."